

Câu 1: Cao su được trồng nhiều nhất ở

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- C. Tây Nguyên

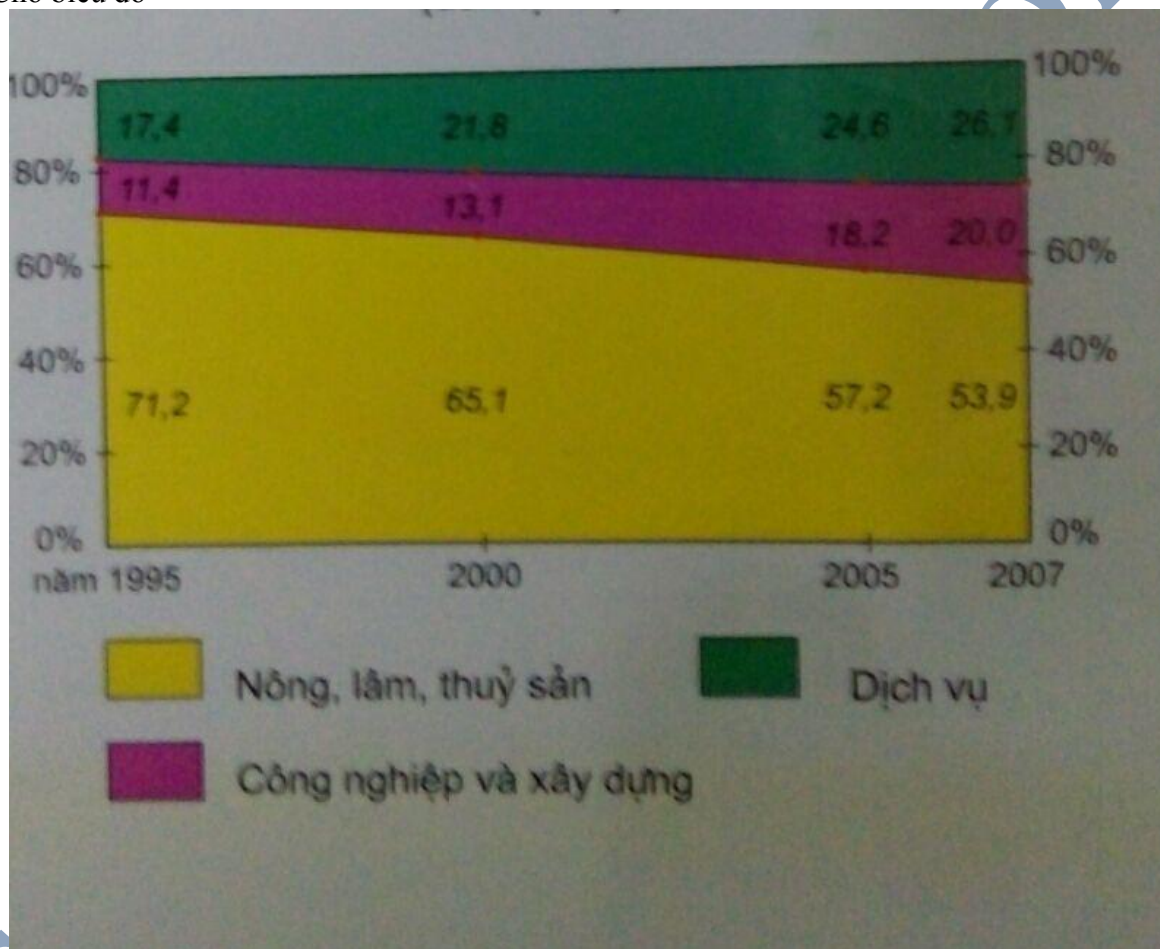
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ

Câu 2: Theo số liệu thống kê, tính đến năm 2006 vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là:

- A. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đông Nam Bộ.

- B. Tây Bắc.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 3: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện:

- A. sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo khu vực tế của nước ta.
- B. cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta.
- C. sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực tế của nước ta.
- D. quy mô, cơ cấu lao động phân theo thành khu vực tế của nước ta.

Câu 4: Biểu hiện để chứng tỏ nước ta có lượng mưa và độ ẩm lớn là:

- A. lượng mưa trung bình năm từ 1500 – 2000mm, độ ẩm không khí trung bình trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương
- B. lượng mưa nhiều, độ ẩm không khí cao.
- C. Trong năm có một mùa mưa và một mùa khô.
- D. sông ngòi nhiều nước giàu phù sa.

Câu 5: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi. (Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng số	Từ 15-24 tuổi	Từ 25-49 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
2005	44 904,5	9 168,0	28 432,5	7 304,0
2013	53 245,6	7 916,1	31 904,5	13 425,0

Năm 2013 tỉ lệ lao động từ 15-24 tuổi ở nước ta là:

- A. 63,3% B. 25,2%. C. 20,4% D. 14,86%

Câu 6: Trong nội bộ khu vực 2 đang có xu hướng chuyển dịch tích cực để:

- A. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
B. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập người dân.
C. Phù hợp với yêu cầu thị trường và tăng hiệu quả đầu tư.
D. Thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15: tỉ lệ dân số thành thị và tỉ lệ dân số nông thôn nước ta năm 2007 là:

- A. 23,37 triệu người và 61,8 triệu người. B. 23,37 triệu và 72,6%.
C. 27,4% và 72,6%. D. 61,8 triệu người và 27,4%.

Câu 8: Trong những năm gần đây tốc độ tăng dân số nước ta đã chậm lại là do:

- A. Tỉ lệ sinh giảm nhanh.
B. Tỉ lệ tăng tự nhiên giảm do kết quả của việc thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
C. Số người trong độ tuổi sinh đẻ giảm. D. Tỉ lệ tử có xu hướng tăng lên

Câu 9: Ở nước ta gió Tín Phong hoạt động mạnh:

- A. từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
B. thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa gió (gió mùa mùa hạ, gió mùa mùa đông)
C. từ tháng 5 đến tháng 10. D. suốt cả năm.

Câu 10: Cây rau màu ôn đới được trồng ở đồng bằng sông Hồng vào vụ

- A. Đông xuân. B. Hè thu. C. Mùa. D. Đông

Câu 11: Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi nước ta phụ thuộc chặt chẽ yếu tố.

- A. Hình thức chăn nuôi. B. Cơ sở nguồn thức ăn.
C. Thị trường tiêu thụ D. Cơ sở công nghiệp chế biến

Câu 12: Từ năm 1991 đến nay, sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta có đặc điểm:

- A. Khu vực I giảm dần tỉ trọng nhưng vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
B. Khu vực III luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP dù tăng không ổn định.
C. Khu vực II dù tỉ trọng không cao nhưng là ngành tăng nhanh nhất.
D. Khu vực I giảm dần tỉ trọng và đã trở thành ngành có tỉ trọng thấp nhất

Câu 13: Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là :

- A. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.
B. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.
C. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.
D. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.

Câu 14: Sau khi nước ta gia nhập WTO, thành phần kinh tế nào có tỉ trọng tăng nhanh nhất:

- A. Kinh tế nhà nước B. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
C. Kinh tế tư nhân D. Kinh tế cá thể

Câu 15: Căn cứ vào trang 15, Atlas Địa lí Việt Nam: hai đô thị có quy mô dân số lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

- A. Biên Hòa, Vũng Tàu B. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
C. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu D. TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa

Câu 16: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là:

- A. Địa hình thấp và hẹp ngang B. Gồm các khối núi và cao nguyên
C. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta. D. Có bốn cánh cung lớn

Câu 17: Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta (tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
1995	85508	66794	16168	2546
2000	129141	101044	24960	3137
2004	172495	131552	37344	3599
2005	183343	134755	45226	3362
2010	540163	396734	135137	8292

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta 1995-2010.

- A.** Biểu đồ đường. **B.** Biểu đồ cột chồng **C.** Biểu đồ tròn **D.** Biểu đồ miền

Câu 18: Điểm nào sau đây **không** phải là hậu quả của sự phân bố dân cư không đều?

- A.** Gây trở ngại cho việc giảm gia tăng dân số.
B. Gây tình trạng sử dụng lao động lãng phí, không hợp lí giữa các vùng.
C. Gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên ở nơi ít lao động.
D. Gây sức ép đến tài nguyên, môi trường ở nơi đông dân.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19: giá trị sản xuất cây công nghiệp trong tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2007 của nước ta là (tỉ đồng):

- A.** 29, 536 **B.** 29. 536 **C.** 85. 389 **D.** 25.571

Câu 20: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (cực Nam Trung Bộ) chuyên về trồng nho, thanh long, chăn nuôi cừu đã thể hiện:

- A.** Sự chuyển đổi mùa vụ từ Bắc vào Nam, từ đồng bằng lên miền núi.
B. Việc áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng.
C. Việc khai thác tốt hơn tính mùa vụ của nền nông nghiệp nhiệt đới.
D. Các tập đoàn cây, con được phân bố phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp.

Câu 21: Hai vịnh biển lớn trong biển Đông ở nước ta là:

- A.** vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan. **B.** Vịnh Bắc Bộ, vịnh Cam Ranh
C. Vịnh Thái Lan, vịnh Cam Ranh. **D.** Vịnh Bắc Bộ, vịnh Đà Nẵng.

Câu 22: Đây là đặc trưng cơ bản nhất của nền nông nghiệp cổ truyền.

- A.** Là nền nông nghiệp tiểu nông mang tính tự cấp, tự túc.
B. Sử dụng nhiều sức người, công cụ thủ công.
C. Năng suất lao động và năng suất cây trồng thấp.
D. Cơ cấu sản phẩm rất đa dạng.

Câu 23: Dựa vào bảng số liệu sau đây về sản lượng thủy sản của nước ta thời kì 1990 – 2005 (nghìn tấn)

Năm	1990	1995	2000	2005
Tổng số	890,6	1584,4	2250,5	3432,8
Sản lượng khai thác	728,5	1195,3	1660,9	1995,4
Sản lượng nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1437,4

Nhận định nào sau đây chưa chính xác ?

- A.** Sản lượng thủy sản tăng nhanh, tăng liên tục và tăng toàn diện.
B. Sản lượng thủy sản giai đoạn 2000 - 2005 tăng nhanh hơn giai đoạn 1990 - 1995.
C. Nuôi trồng tăng gần 8,9 lần trong khi khai thác chỉ tăng hơn 2,7 lần.
D. Tốc độ tăng của nuôi trồng nhanh gấp hơn 2 lần tốc độ tăng của cả ngành.

Câu 24: Đây là đặc điểm của các cao nguyên Mơ Nông, Bảo Lộc, Di Linh

- A.** Cấu tạo chủ yếu bởi đất xám phù sa cổ. **B.** Có độ cao trên 800m.
C. Cấu tạo chủ yếu bởi đá ba dan **D.** Cấu tạo chủ yếu bởi đá vôi.

Câu 25: Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh nào?

- A.** Lạng Sơn. **B.** Lai Châu. **C.** Hà Giang **D.** Điện Biên.

Câu 26: Xét về góc độ kinh tế, vị trí địa lí của nước ta :

A. Thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ ; tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước và thu hút đầu tư của nước ngoài.

B. Thuận lợi trong việc hợp tác sử dụng tổng hợp các nguồn lợi của Biển Đông, thềm lục địa và sông Mê Công với các nước có liên quan.

C. Thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác, giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.

D. Thuận lợi cho việc hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật với các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam cho biết: đồng bằng Phú Yên được mở rộng ở cửa sông:

A. Đà Rằng.

B. Mã – Chu

C. Thu Bồn.

D. Cả.

Câu 28: Địa hình: phía đông là dãy núi cao, đồ sộ ; phía tây là địa hình núi trung bình; ở giữa thấp hơn là các dãy núi xen các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi là đặc điểm của vùng núi:

A. Trường Sơn Bắc.

B. Đông Bắc

C. Trường Sơn Nam

D. Tây Bắc.

Câu 29: Thành phần dân tộc của Việt Nam phong phú và đa dạng là do :

A. Loài người định cư khá sớm.

B. Nơi gặp gỡ của nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.

C. Có nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc dân tộc.

D. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.

Câu 30: Thành phần dân tộc của Việt Nam phong phú và đa dạng là do :

A. Loài người định cư khá sớm.

B. Nơi gặp gỡ của nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.

C. Có nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc dân tộc.

D. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.

Câu 31: Cho bảng số liệu sau : NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với bảng số liệu trên:

A. Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm ở nước ta thấp.

B. Nhiệt độ trung bình của các địa điểm trong tháng 1 thấp hơn tháng 7.

C. Nhiệt độ trung bình của các địa điểm trong tháng 7 cao.

D. Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm ở nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam cho biết: thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là:

A. Sông Chu.

B. Sông Mã.

C. Sông Cầu.

D. Sông Đà

Câu 33: Theo số liệu thống kê năm 2006, số dân nước ta là:

A. 83,4 triệu người.

B. 82,6 triệu người.

C. 84,15 triệu người.

D. 81,5 triệu người.

Câu 34: Trong khu vực 1 của nước ta, tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng tăng nguyên nhân cơ bản là do :

A. Nước ta có nguồn lợi hải sản phong phú.

B. Trang thiết bị phục vụ ngành thủy sản ngày càng hiện đại.

C. Nhu cầu của thị trường ngày càng lớn về mặt hàng thủy sản.

D. Giá trị xuất khẩu cao hơn so với các sản phẩm nông nghiệp.

Câu 35: “Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay

Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đây”

(Mưa Xuân, Nguyễn Bình)

Thời tiết “mưa xuân” được nhắc đến trong câu thơ trên diễn ra ở....., vào thời kì....., do ảnh hưởng.....

A. Miền Bắc, nửa cuối mùa đông, gió mùa mùa đông đi lệch hướng ra biển.

B. Miền Bắc, nửa đầu mùa đông, gió Tín phong.

C. Ven biển và các đồng bằng Bắc bộ, Bắc Trung Bộ, nửa cuối mùa đông, gió mùa mùa đông đi lệch hướng ra biển.

D. Cả nước, nửa cuối mùa đông, gió mùa mùa đông.

Câu 36: cho bảng số liệu

TỈ SUẤT SINH THỒ VÀ TỈ SUẤT TỬ THỒ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1979-2006

(Đơn vị: ‰)

Năm	1979	1989	1999	2006
Tỉ suất sinh	32,2	31,3	23,6	19,0
Tỉ suất tử	7,2	8,4	7,3	5,0

Biểu đồ phù hợp nhất thể hiện tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 1979-2006 là:

A. Biểu đồ cột.

B. Biểu đồ đường.

C. Biểu đồ miền đặc biệt

D. Biểu đồ tròn.

Câu 37: Cho bảng số liệu sau: Diện tích và dân số một số vùng nước ta năm 2006

Vùng	ĐBS Hồng	Tây Nguyên	Đông Nam bộ
Dân số (nghìn người)	18208	4869	12068
Diện tích (Km ²)	14863	54660	23608

Nhận xét nào **không** đúng:

A. Mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng là 1.225 người/km².

B. Mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng cao gấp 5 lần của Đông Nam Bộ.

C. Mật độ dân số theo thứ tự giảm dần là: Đồng bằng sông Hồng ,Đông Nam Bộ, Tây Nguyên,

D. Mật độ dân số của Đông Nam Bộ là 511 người/km².

Câu 38: Động vật nào sau đây không tiêu biểu cho phần phía Nam lãnh thổ?

A. Thú lớn (Voi, hổ, báo,...).

B. Trăn, rắn, cá sấu

C. Thú có lông dày (gấu, chồn,...).

D. Thú có móng vuốt

Câu 39: Điểm nào sau đây không phải là biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực 1.

A. Giảm tỉ trọng các cây công nghiệp lâu năm.

B. Giảm cây lương thực, tăng cây công nghiệp.

C. Giảm tỉ trọng trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi.

D. Giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thủy sản.

Câu 40: Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta năm 2005, chiếm tỉ trọng từ cao xuống thấp lần lượt là:

A. Chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp.

B. Trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp.

C. Dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt.

D. Chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, trồng trọt.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.